

Số: /2021/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BCT ngày 30/6/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền ban hành kèm theo Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An;

Thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy Long An về việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Long An theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và ý kiến đề xuất của Sở Nội vụ tại văn bản số 4476/SNV-TCBCCVC ngày 05/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An (sau đây gọi là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thực hiện chức năng quản lý

nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Long An theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và pháp luật có liên quan; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế”.

2. Ban Quản lý do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân; tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm và nguồn kinh phí khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Ban Quản lý có tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành về thực hiện quản lý nhà nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao và nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền theo quy định tại Điều 63, Điều 64 và một số điều khác tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý đầu tư quy định tại điểm c khoản 1, điểm b, điểm e, điểm h, điểm k và điểm l khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Đăng ký đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thỏa thuận ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn, triển khai dự án đầu tư và việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư; định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghiệp, khu kinh tế và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế;

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế; tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Đầu tư và văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý môi trường được giao quy định tại Điều 43, Điều 44, điểm đ khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

a) Phối hợp thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, chấp thuận về môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan, lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí theo quy định gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái;

c) Thực hiện thủ tục lấy ý kiến các cơ quan liên quan, xem xét, chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

4. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý xây dựng được phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, khoản 1 Điều 164 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và khoản 63 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14, gồm:

a) Thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng thuộc thẩm quyền của Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các dự án, công trình trong khu công nghiệp, khu kinh tế;

b) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu kinh tế phải có Giấy phép xây dựng;

c) Thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

d) Làm chủ đầu tư lập các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, các khu chức năng trong khu kinh tế theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý quy hoạch được giao, ủy quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63, điểm a khoản 1 Điều 64 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền đối với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế;

b) Điều chỉnh quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt của khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế nhưng không làm thay đổi cơ cấu quy hoạch theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án trong khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý thương mại được giao, ủy quyền quy định tại điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm: cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định pháp luật về thương mại.

7. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý đất đai được giao quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63, điểm a khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều 64 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết trong khu kinh tế;

b) Thực hiện nhiệm vụ về tiếp nhận đăng ký khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất và phí hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế của nhà đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế;

c) Quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao theo đúng mục đích sử dụng và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, Quy hoạch xây dựng các khu chức năng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và thực hiện các thẩm quyền khác về quản lý đất đai trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đất đai.

8. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý khoa học và công nghệ theo phân cấp, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, quy định tại điểm e khoản 1 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Theo phân cấp, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ, đánh giá công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao

công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp.

9. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ về quản lý cửa khẩu, gồm:

a) Thực hiện thống nhất quản lý các hoạt động tại cửa khẩu theo quy định tại Chương II Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền ban hành kèm theo Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nội quy cửa khẩu và tổ chức thực hiện Nội quy cửa khẩu sau khi được ban hành;

c) Tổ chức thực hiện điều hành, phối hợp hoạt động của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải qua cửa khẩu;

d) Bố trí địa điểm kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu thống nhất, hợp lý, thông suốt, đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức phối hợp và giải quyết những vướng mắc phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên ngành của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu. Thông báo cơ chế, chính sách và những chỉ đạo, điều hành của các cơ quan có liên quan đến các lực lượng chức năng;

e) Đảm bảo thời gian làm việc của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu theo đúng quy định tại Nội quy cửa khẩu; phối hợp kiểm tra, kiểm soát trong cùng một thời gian đã được thống nhất giữa Ban Quản lý cửa khẩu với cơ quan quản lý cửa khẩu của nước có chung biên giới;

g) Tổng hợp ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan về các giải pháp điều hành hoạt động tại cửa khẩu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc kiến nghị với các ngành chức năng xử lý theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý các hoạt động và thực hiện các cơ chế, chính sách về thương mại tại khu vực cửa khẩu;

i) Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng và một năm hoặc báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động tại cửa khẩu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

k) Báo cáo tình hình chấp hành về hành chính và công tác phối hợp đối với công chức, viên chức thuộc các lực lượng chức năng tại cửa khẩu đến các cơ quan có liên quan, kiến nghị khen thưởng hoặc xử lý đối với những cá nhân hay lực lượng chức năng vi phạm hành chính hoặc không chấp hành Nội quy cửa khẩu;

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

10. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại khoản 10, khoản 14 Điều 60, khoản 1 Điều 61, điểm a, điểm b khoản 1 và điểm q khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định khác có liên quan, gồm:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý, Đề án thành lập, tổ chức lại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án chuyển đổi, phát triển khu công nghiệp sinh thái và các mô hình khu công nghiệp, khu kinh tế mới;

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan khác để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa hoặc một cửa liên thông;

d) Tham gia ý kiến với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch có liên quan đến hoạt động đầu tư, phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế;

đ) Cung cấp thông tin về quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, giá cho thuê đất và tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, định hướng và ngành, nghề thu hút đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế và các nội dung khác theo quy định của pháp luật cho các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế và các bên liên quan;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban Quản lý

a) Ban Quản lý có Trưởng Ban và không quá 03 (ba) Phó Trưởng Ban;

b) Trưởng Ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của khu công nghiệp, khu kinh tế; phối hợp với người đứng đầu các Sở, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý;

c) Phó Trưởng Ban Quản lý là người giúp việc cho Trưởng Ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng Ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

d) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT, gồm:

- Văn phòng Ban Quản lý;
- Phòng Quản lý kế hoạch và đầu tư;
- Phòng Quản lý doanh nghiệp và lao động;
- Phòng Quản lý quy hoạch xây dựng và tài nguyên.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý: Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp.

Việc thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về sự nghiệp công lập.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

Điều 4. Biên chế

Biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2021 và thay thế Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An, Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An.

2. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này; ban hành Quy chế làm việc; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý. Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế và Giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út